

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-PT

Ngày: 14-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Minh Hương

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/TLPT-HS ngày 12-4-2018 đối với bị cáo Lê Văn L; do kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 09-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Bị cáo **Lê Văn L**, sinh ngày 16-01-1995 tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKNKTT và cư trú: Xóm A, xã NM huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1973 (*đã chết*); con bà Lê Thị N, sinh năm 1973; cư trú tại: Xóm A, xã NM, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 20-11-2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lạc Dương. Có mặt.

Trong vụ án này còn có bị cáo Lê Đức A, bị hại anh Nguyễn R, người liên quan anh Võ Tiến A; chị Trương Thị Thanh H không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 27-8-2017, các bị cáo L, bị cáo Đức A (tên khác A xì ke) và các anh Tiến A (tên khác A Mập), anh T, anh K, anh N (cùng làm công cho bà Thanh H) uống rượu để chia tay bị cáo L mai về quê. Đến khoảng 18 giờ 30, bị cáo Đức A mượn xe của anh Tiến A chở bị cáo L đi cắt tóc; đến khoảng 19 giờ

trở lại thấy mọi người vẫn đang ngồi nhậu, bị cáo L, bị cáo Đức A ngồi nhậu tiếp.

Đến khoảng 22 giờ cùng rủ nhau đi hát Karaoke tại “*quán Nguyệt Cầm*” thị trấn LD. Khi tới quán, bị cáo Đức A gặp nhóm của anh T đang tính tiền, bị cáo Đức A rủ anh T lên hát và anh T đồng ý nhưng lên sau. Mọi người lên lầu vào phòng số 4 cùng hát Karaoke. Trong lúc đang hát, có các anh Đ, anh H, anh C, anh R vào phòng hát, sau đó hai bên mời bia qua lại. Lúc này bị cáo L và anh R thách thức nhau uống bia nên xảy ra xích mích, anh Đ gọi Đức A vào nhà vệ sinh nói “*R đòi đánh L*”, bị cáo Đức A đi ra nói với bị cáo L “*thằng R đòi đánh cậu giờ sao*”, bị cáo L nói “*thích thì chơi*”, sau đó bị cáo Đức A nói với bị cáo L “*mày ngồi hát tiếp đi, tao về lấy dao lên chơi*”, sau đó bị cáo Đức A xuống lấy xe mô tô (*xe lúc chiều bị cáo mượn của anh Tiến A*) đi về bếp nhà bà H lấy 01 con dao (*chiều dài khoảng 40cm, chiều rộng khoảng 10cm*) sau đó đến quán Karaoke. Khi đến nơi thấy nhóm hát đi xuống dưới, bị cáo Đức A lên phòng chỉ thấy có các anh H, anh T, anh C; bị cáo Đức A uống thêm một ly bia với những người trên, sau đó đi xuống. Khi bị cáo Đức A đi được một lúc, cả nhóm nghỉ xuống tính tiền (*lúc đó khoảng 23 giờ 50*), bị cáo L và anh R đi ra đến trước cửa quán lại tiếp tục xảy ra xích mích, được anh T, anh Th can ngăn sau đó kéo bị cáo L đi về hướng bùng bình Lạc Dương. Khi bị cáo Đức A đi xuống ra đến trước cửa quán thì nhìn thấy bị cáo L và T, anh Th đang đi về hướng ngã tư Lạc Dương, bị cáo Đức A lấy xe chạy đến chỗ bị cáo L, bị cáo Đức A “*dao đây rồi, giờ chơi không*”, bị cáo L trả lời “*cố*”, bị cáo Đức A đưa dao cho bị cáo L và nói “*ngồi lên xe, tao chạy quay lại rồi chém*”, sau đó bị cáo Đức A điều khiển xe chạy quay lại; bị cáo Đức A, bị cáo L nhìn thấy anh R đang ngồi trên xe; Bị cáo Đức A điều khiển xe chạy sát đến chỗ anh R, bị cáo L ngồi phía sau, dùng dao chém một nhát vào vùng đầu của anh R thì bị cáo Đức A tăng ga chạy thẳng ra Đà Lạt. Bị cáo Đức A hỏi bị cáo L “*chém trúng đâu*”, bị cáo L trả lời “*trúng đầu*”. Khi đến cầu Lạc Dương (*giáp phường 7, thành phố Đà Lạt*), bị cáo Luận ném con dao xuống suối dưới cầu.

Sau khi thực hiện hành vi, bị cáo Đức A gửi xe tại phòng trọ của H (*là bạn của Đức A*), sau đó cùng bị cáo L đón Taxi đến phòng trọ của M (*cũng là người làm thuê cho bà H*) để bị cáo L lấy ba lô quần áo, sau đó đi ra nhà xe Tài Thắng để về quê nhưng không có xe, sau đó bị cáo Đức A, bị cáo L đến phòng trọ của H (*là bạn của L*) ở gần Trường đại học Yersin ngủ lại. Đến sáng ngày 28-8-2017, bị cáo L liên lạc với anh Tiến A lấy tiền công gửi ra cho bị cáo L. Khi nhận được tiền các bị cáo L, bị cáo Đức A đón xe đò đi về Nha Trang, bị cáo L về quê, còn bị cáo Đức A ở lại Nha Trang.

Đối với bị hại anh R được các anh Đ, anh C chở vào Trung tâm y tế huyện Lạc Dương cấp cứu, sau đó được chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng điều trị.

Tại kết luận giám định số 222/2017/TgT ngày 31-10-2017 của Trung tâm pháp y tế tỉnh Lâm Đồng, xác định thương tích của bị hại anh R tỷ lệ thương tích 13%.

Về vật chứng 01 con dao bị cáo L dùng chém bị hại đã ném bỏ xuống suối, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Đối với chiếc xe mô tô Exciter biển số 37B2-327.77 bị cáo Đức A mượn của anh Tiến A để đi cắt tóc sau đó dùng làm phương tiện gây án.

Tại bản án số 01/2018/HS-ST ngày 09-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, bị cáo Lê Đức A phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104; các Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 1999*); điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 2015*).

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20-11-2017.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104; các Điều 20; Điều 53, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, khoản 1 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đức A (tên khác A Xì ke) 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09-3-2018).

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về bồi thường, án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật;

Ngày 19-3-2018 bị cáo Lê Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị cáo L khai nhận như bản án sơ thẩm quy kết, không thắc mắc khiếu nại đối với bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ việc mâu thuẫn giữa bị cáo L và bị hại anh R khi hát Karaoke, bị cáo Đức A xúi dục bị cáo L “*thằng R đòi đánh cậu giờ sao*”, nên bị cáo L nói “*thích thì chơi*”; sau đó bị cáo Đức A nói với bị cáo L “*tao về lấy dao lên chơi*”, bị cáo Đức A về bếp nhà bà H lấy 01 con dao (*chiều dài khoảng 40cm, chiều rộng khoảng 10cm*), sau đó bị cáo Đức A nói với bị cáo L “*dao đây rồi, giờ chơi không*”, bị cáo L trả lời “*có*”, sau đó bị cáo Đức A đưa dao cho bị

cáo L và nói bị cáo L “ngồi lên xe, tao chạy quay lại rồi chém”, sau đó bị cáo Đức A điều khiển xe chạy quay lại nhìn thấy anh R đang ngồi trên xe. Bị cáo Đức A điều khiển xe chạy sát đến chỗ anh R, bị cáo L ngồi phía sau, dùng dao chém một nhát vào vùng đầu của anh R, thì bị cáo Đức A tăng ga bỏ chạy, bị cáo Đức A hỏi bị cáo L “chém trúng đâu”, bị cáo L trả lời “trúng đầu”. Hậu quả của hành vi, anh R bị thương tích thương tích 13%. Đối chiếu lời khai các bị cáo, kết luận giám định; cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo các bị cáo L, bị cáo Đức A phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện: Hành vi của các bị cáo nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại sức khỏe của bị hại anh R, gây ảnh hưởng trật tự trị an của địa phương. Hậu quả của hành vi gây thương tích cho bị hại 13% với các tình tiết quy định điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự, nên cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, cấp sơ thẩm đã được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo”, quy định điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo “đã bồi thường một phần thiệt hại” cho bị hại, nên cũng đã được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo còn được áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết giảm nhẹ “bị hại có đơn bãi nại, bị cáo là người dân tộc, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mất sớm, mẹ bị bệnh thần kinh” là đầy đủ. Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm áp dụng nguyên tắc có lợi theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; để áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng nguyên tắc đồng phạm các Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thỏa đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L kháng cáo giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình tài liệu tình tiết nào mới. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; căn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm, Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14

ngày 20-6-2017 của Quốc hội; để áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 54, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20-11-2017.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000đ án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Lạc Dương;
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo (*để thi hành*);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng